

Số: 88/BC-THĐT

Định Thành, ngày 28 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Về công khai trong hoạt động giáo dục năm 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở: Trường Tiểu học Định Thành
2. Địa chỉ: Ấp Rạch Đá, xã Định Thành, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.
3. Số điện thoại: 02743.526399
4. Địa chỉ thư điện tử: thdinhthanh.dautieng.edu.vn.
5. Trang thông tin điện tử: <https://thdinhthanh.dautieng.edu.vn>
6. Loại hình: Công lập thuộc UBND huyện Dầu Tiếng.
7. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện, năng động, sáng tạo để

mỗi học sinh phát triển tối đa khả năng của bản thân đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục, của đất nước.

Tầm nhìn: Trở thành một ngôi trường có chất lượng cao là trung tâm văn hoá

giáo dục của địa phương, là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công.

Mục tiêu:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, khai thác hợp lý, triệt để các nguồn lực được đầu tư để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Gắn quản lý giỏi với dạy tốt và học tốt.
- Thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018).
- Xây dựng thương hiệu nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là trường trọng điểm chất lượng cao phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

- Trường Tiểu học Định Thành chính thức được thành lập theo QĐ số 95/2004/QĐ-UB, ngày 20/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện Dầu Tiếng, được tách ra từ Trường Định Thành B. Trường tọa lạc tại ấp Rạch Đá, xã Định Thành, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, trên trục lộ ĐT 744.

- Xã Định Thành có mặt bằng dân cư chưa phát triển, nhiều dân cư thuộc diện lưu trú, nghề nghiệp không ổn định, chủ yếu lao động tự do, chuyển đổi nơi ở thường xuyên, có nhiều hộ gia đình thuộc diện khó khăn.

- Nhà trường luôn được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, chính quyền địa phương, sự hỗ trợ của các ban ngành đoàn thể, sự phối hợp đồng thuận của cha mẹ học sinh tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy và học của thầy trò nhà trường.

1. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Bà Phạm Thị Vân

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học Định Thành, ấp Rạch Đá xã Định Thành, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

- Số điện thoại: 0976942407

- Địa chỉ thư điện tử: vanptthdinhthanh@dt.sgdbinhduong.edu.vn

2. Tổ chức bộ máy:

a. Trường Tiểu học Định Thành chính thức được thành lập theo QĐ số 95/2004/QĐ-UB, ngày 20/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện Dầu Tiếng, được tách ra từ Trường Định Thành B. Trường tọa lạc tại ấp Rạch Đá, xã Định Thành, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, trên trục lộ ĐT 744 và đi vào hoạt động dạy học từ tháng 9/2004.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường:

- Hội đồng trường gồm 07 thành viên, được thành lập theo Quyết định số 1572/QĐ-PGDĐT ngày 30/12/2021 của Trưởng phòng GD&ĐT huyện Dầu Tiếng.

- Danh sách thành viên hội đồng trường:

+ Bà Phạm Thị Vân	- Hiệu trưởng	- Chủ tịch
+ Ông Võ Văn Bình	- Chủ tịch Công đoàn	- Phó Chủ tịch
+ Bà Nguyễn Thị Thơm	- Tổ trưởng CM	- Thành viên
+ Ông Hoàng Ngọc Dư	- Thanh tra NhD	- Thành viên
+ Bà Hà Thị Tím	- Tổ trưởng Văn phòng	- Thư ký
+ Ông Trần Hữu Thanh	- CC xã Định Thành	- Thành viên
+ Bà Nguyễn P. Thảo Trang	- Trưởng ban ĐDCMHS	- Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Hiệu trưởng được điều động và bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Tiểu học Định Thành theo Quyết định số 601/QĐ-PGDĐT ngày 20/9/2018 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Dầu Tiếng và được bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng theo Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 08/9/2023 của UBND huyện Dầu Tiếng.

- Phó Hiệu trưởng được điều động công tác và bổ nhiệm viên chức quản lý theo Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của UBND huyện Dầu Tiếng được bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng theo Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND huyện Dầu Tiếng.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động:

- Cơ cấu tổ chức nhà trường gồm: Hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng giáo viên giỏi nhà trường; Hội đồng chấm xét duyệt SKKN; Hội đồng chấm xét HTCTTH; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn; tổ văn phòng; lớp học sinh.

+ **Hội đồng trường:** là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 10, Điều lệ trường tiểu học, quyết nghị các chỉ tiêu phát triển cơ sở vật chất, tài chính, đội ngũ của nhà trường, thực hiện quy chế dân chủ.

Hội đồng trường gồm: đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng, đại diện Công đoàn, thanh tra Nhân dân, đại diện Hội Phụ huynh học sinh, đại diện tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Hội đồng trường có chủ tịch, thư ký và các thành viên khác. Số lượng thành viên của Hội đồng trường 07 người.

+ **Hiệu trưởng:** Hiệu trưởng trường tiểu học là người chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường.

Người được bổ nhiệm hoặc công nhận làm Hiệu trưởng trường tiểu học phải đạt chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học.

Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng trường tiểu học là 5 năm. Sau 5 năm, Hiệu trưởng được đánh giá và có thể được bổ nhiệm lại hoặc công nhận lại. Đối với trường tiểu học công lập, Hiệu trưởng được quản lý một trường tiểu học không quá hai nhiệm kỳ. Mỗi Hiệu trưởng chỉ được giao quản lý một trường tiểu học.

Sau mỗi năm học, mỗi nhiệm kỳ công tác, Hiệu trưởng trường tiểu học được cán bộ, giáo viên trong trường và cấp có thẩm quyền đánh giá về công tác quản lý các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường theo quy định.

+ **Phó Hiệu trưởng:** là người giúp việc cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, trường có từ 1 Phó Hiệu trưởng.

Người được bổ nhiệm hoặc công nhận làm Phó Hiệu trưởng trường tiểu học

H. C
TP
TIỂU
ĐỊNH
3/1/2025

phải đạt mức cao của chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, có năng lực đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công.

+ **Hội đồng thi đua khen thưởng:** Hội đồng Thi đua khen thưởng được thành lập vào đầu mỗi năm học với cơ cấu đúng theo quy định tại Khoản 1, Điều 12 Điều lệ trường tiểu học: Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng, các thành viên gồm Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội, các giáo viên chủ nhiệm lớp, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng. Hội đồng Thi đua khen hỗ trợ Hiệu trưởng trong việc bình xét thi đua khen thưởng cuối năm học theo Điều 38 Điều lệ trường tiểu học.

+ **Hội đồng chăm giáo viên giỏi:** giúp Hiệu trưởng chăm, dự giờ, thao giảng để lựa chọn những giáo viên có năng lực chuyên môn tốt.

+ **Hội đồng xét duyệt SKKN** giúp Hiệu trưởng lựa chọn những SKKN mang lại hiệu quả trong công tác quản lý, giáo viên từ đó phát động phong trào thi đua dạy tốt học tốt trong nhà trường.

+ **Hội đồng xét duyệt HTCTTH** tổ chức xét duyệt những học sinh HTCTTH, thực hiện đúng theo quy định, công bằng, công khai, khách quan.

+ **Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và đoàn thể trong trường:** Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường tiểu học lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong trường tiểu học theo quy định của pháp luật nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

+ **Tổ chuyên môn:** bao gồm giáo viên văn hóa, giáo viên bộ môn. Tổ có 9 thành viên. Tổ chuyên môn có tổ trưởng và một tổ phó.

+ **Tổ văn phòng:** Nhà trường có một tổ văn phòng gồm các nhân viên làm công tác y tế trường học, văn thư, kế toán, thư viện + thiết bị, giáo vụ, bảo vệ, phục vụ. Tổ văn phòng có tổ trưởng và 1 tổ phó.

+ **Lớp, học sinh:** Học sinh được tổ chức theo lớp học với 5 lớp/114 học sinh. Lớp học có lớp trưởng, một hoặc hai lớp phó do tập thể học sinh bầu hoặc do giáo viên chủ nhiệm lớp chỉ định luân phiên trong năm học. Mỗi lớp học có một giáo viên chủ nhiệm phụ trách giảng dạy một hoặc nhiều môn học. Biên chế giáo viên một lớp theo quy định hiện hành của Nhà nước. Mỗi lớp học được chia thành các tổ học sinh. Mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó do học sinh trong tổ bầu hoặc do giáo viên chủ nhiệm lớp chỉ định luân phiên trong năm học.

- Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của trường tiểu học được quy định tại Điều 3 Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

+ Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu

cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

+ Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

+ Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

+ Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

+ Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

+ Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

+ Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

+ Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

+ Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ bộ máy: Tính đến nay, Trường đã trải qua 21 năm xây dựng, phát triển và ngày càng hoàn thiện. Từ khi thành lập đến nay, nhà trường dần dần khẳng định vị thế của mình và đã gặt hái được nhiều thành tích. Nhiều năm liền nhà trường được công nhận là Tập thể lao động tiên tiến.

Trường đạt trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào năm 2015. Với sự phấn đấu vươn lên không ngừng của tập thể nhà trường, liên tục trong những năm qua nhà trường đều được công nhận danh hiệu Trường lao động tiên tiến.

3. Các văn bản khác:

Quyết định số 02/QĐ-THĐT ngày 15/01/2024 của Trường Tiểu học Định

Thành về ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và sử dụng tài sản công năm 2024 và Quyết định số 04/QĐ-THĐT ngày 09/01/2025 của Trường Tiểu học Định Thành về ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và sử dụng tài sản công năm 2025.

3.1. Quy chế dân chủ:

Quyết định số 125/QĐ-THĐT ngày 17/10/2024 của Trường Tiểu học Định Thành về ban hành quy chế thực hiện dân chủ năm học 2024-2025 trong nhà trường.

Nhà trường phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn xây dựng Quy chế dân chủ trong hoạt động trường học theo Luật thực hiện dân chủ cơ sở 2022 về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Quy chế dân chủ của nhà trường được công khai và có sự đóng góp của cán bộ, viên chức tại Hội nghị cán bộ, viên chức vào đầu năm học

3.2. Nghị quyết:

- Nghị quyết số 94/NQ-HNCCVC ngày 11/10/2024 của Hội đồng sư phạm trường Tiểu học Định Thành về Hội nghị công chức, viên chức và người lao động. Năm học 2024-2025.

III. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	20	0	14	3	0	3	5	9	3	17	0	0	
I	Giáo viên	10	0	9	1				7	3	8	2	0	
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:													
1	Tiếng dân tộc													
2	Ngoại ngữ	1			1									
3	Tin học	1			1									
4	Âm nhạc	1			1									
5	Mỹ thuật	0			0									
6	Thể dục	1				1								
7	TPT Đội	1			1									
8.	GV tiểu học	5			5	0								

II	Cán bộ quản lý	2			2														
1	Hiệu trưởng	1			1														
2	Phó hiệu trưởng	1			1														
III	Nhân viên	8			3	2	0	3											
1	Nhân viên văn thư	1			1														
2	NV kế toán	1				1													
3	Thủ quỹ	0																	
4	Nhân viên y tế	1				1													
5	Nhân viên thư viện	1			1														
6	Nhân viên Giáo vụ	1			1														
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0																	
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0																	
9	Bảo vệ, phục vụ	3						3											

a. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Chưa qua đào tạo	Ghi chú
CBQL		02	0	0	0	
Giáo viên		08	01	0	0	
Nhân viên		04	02	0	03	
Tổng		14	03	0	03	

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý, đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

TRƯỜNG
C
C
NH
DƯNG

Cán bộ quản lý, giáo viên	Tổng số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
CBQL	02							02	100
Giáo viên	09					02	22,2	07	77,8

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định:

Tổng số CB, GV	Kết quả đạt được của các chương trình BDTX					
	Chương trình bồi dưỡng 1		Chương trình bồi dưỡng 2		Chương trình bồi dưỡng 3	
	Tham gia BDTX	XL Đạt	Tham gia BDTX	XL Đạt	Tham gia BDTX	XL Đạt
02	02/02	100%	02	Đạt	02	Đạt
09	9/9	100%	9/9	100%	9/9	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG:

1. Cơ sở vật chất:

Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Trường chính thức được thành lập theo QĐ số 95/2004/QĐ-UB, ngày 20/9/2004 của Chủ tịch UBND huyện Dầu Tiếng, được tách ra từ Trường Định Thành B. Trường tọa lạc tại ấp Rạch Đá xã Định Thành, trên trục lộ ĐT 744, có tổng diện tích 6605 m², quang cảnh sạch đẹp, thoáng mát, tạo không khí thoải mái cho giáo viên, học sinh trong việc giảng dạy và học tập.

Diện tích bình quân cho một học sinh của nhà trường là 57,9m², theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT thì diện tích bình quân tối thiểu 10m² cho một học sinh.

Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Số phòng:

+ 5 phòng học, mỗi phòng rộng 48 m² với Được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học. Có phòng học bộ môn Tin học, Tiếng Anh, Âm nhạc - Mỹ thuật.

+ 03 phòng chức năng (phòng sinh hoạt đội: 36,4 m²; phòng thư viện: 48,1 m²). Ngoài ra còn có 04 khu vệ sinh cho học sinh có khu nam và nữ riêng.

*Khối phòng hành chính quản trị:

+ Phòng Hiệu trưởng, văn phòng, phòng bảo vệ trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;

+ Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên

+ Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

*Khối phòng hỗ trợ học tập

+ Thư viện: có tủ sách dùng chung; kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh;

+ 01 phòng thiết bị giáo dục, có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;

+ 01 phòng Đội Thiếu niên: trang bị đầy đủ các thiết bị; có thể kết hợp với phòng truyền thống.

* Khối phụ trợ:

+ Phòng Y tế trường học: bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;

+ Khu để xe học sinh: có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào;

+ Khu vệ sinh học sinh: Khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;

Trường có cổng, hàng rào, khuôn viên của trường, ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ, bảo đảm vững chắc, an toàn.

Nhà trường có 2100 m² sân chơi cho học sinh, có khu vui chơi riêng cho học sinh 1 cầu trượt, 2 xích đu, có sân tập thể dục thể thao, có sân cầu lông đảm bảo cho học sinh tập luyện thường xuyên hoạt động hiệu quả.

Trụ điện; hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy được đầu tư đầy đủ các hạng mục nói trên. Tuy nhiên hệ thống phòng cháy chữa cháy của nhà trường đang bị xuống cấp, đang đề nghị cấp trên đầu tư sửa chữa, cấp mới một số thiết bị.

Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Thiết bị dạy học được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn

Nội dung	Số lượng	Ghi chú
I. Cơ sở vật chất		
1. Phòng học		
Số phòng học	08	
Phòng học kiên cố	08	
2. Phòng chức năng	03	

Phòng giáo dục rèn luyện thể chất hoặc nhà đa năng	/	
Phòng giáo dục nghệ thuật	/	
Thư viện + Thiết bị	2	
Phòng thiết bị giáo dục	/	
Phòng hoạt động Đội	1	
Phòng truyền thống	/	
Phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập.	/	
3. Điểm trường		

Số điểm trường	1	
Tổng diện tích đất	6605m ²	
Diện tích sân chơi, bãi tập	2100 m ²	
Diện tích phòng học	240,5 m ²	
Diện tích thư viện	48,1m ²	
Diện tích nhà đa năng	268,42 m ²	
Diện tích phòng khác (y tế, đội)	48,4 m ²	
II. Thiết bị dạy học tối thiểu		
Khối lớp 1	130 đồ dùng	
Khối lớp 2	30 đồ dùng	
Khối lớp 3	43 đồ dùng	
Khối lớp 4	112 đồ dùng	
Khối lớp 5	104 đồ dùng	
Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập	27 cái	
Tivi	02 cái	
Cát xét		
Đầu Video / đầu đĩa		
Máy chiếu	02 cái	
Amplify, đầu lọc	/	
Thiết bị khác	/	

III. Thư viện		
Sách nghiệp vụ	89 quyển	
Sách tham khảo	2983 quyển	
Sách thiếu nhi	2361 quyển	
Sách giáo khoa	381 quyển	
Sách pháp luật	268 quyển	

IV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
V	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
VI	Nguồn điện (lưới. phát điện riêng)	x	
VII	Kết nối internet	x	
VIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
IX	Tường rào xây	x	

2. Tài liệu học tập sử dụng chung:

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trong trường Tiểu học Định Thành:

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 1

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên) – Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên) – Nguyễn Hoài Anh – Trần Thuý Nga – Nguyễn Thị Thanh Sơn	Đại học Sư phạm
2	Tiếng Việt	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) – Lê Thị Lan Anh – Nguyễn Thị Ngân Hoa – Vũ Thị Thanh Hương – Vũ Thị Lan	Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) – Trần Thành Nam (Chủ biên) – Lê Thị Tuyết Mai – Lục Thị Nga	Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) –	Giáo dục Việt Nam

	xã hội	Nguyễn Thị Thân (Chủ biên) - Đào Thị Hồng - Phương Hà Lan - Hoàng Quý Tĩnh	
5	Giáo dục thể chất	Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Nguyễn Công Trường	Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Đỗ Thanh Hiền	Đại học Sư phạm
7	Mĩ thuật	Nguyễn Xuân Tiên (Tổng Chủ biên) - Hoàng Minh Phúc (Chủ biên) - Nguyễn Thị Hiền - Nguyễn Minh Thiên Hoàng - Nguyễn Hồng Ngọc - Lâm Yến Như	Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Vũ Quang Tuyên (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Hữu Tâm (Chủ biên) - Nguyễn Thị Hà Liên - Lê Phương Trí	Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 1 (Family and Friends National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên) - Trương Văn Ảnh	Giáo dục Việt Nam

- Danh mục Sách giáo khoa lớp 2

STT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Vũ Kim Bảng - Trịnh Cẩm Lan - Chu Thị Phương - Trần Kim Phụng - Đặng Thị Hào Tâm	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) - Lê Anh Vinh - Nguyễn Áng - Vũ Văn Dương - Nguyễn Minh Hải - Hoàng Quế Hường - Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) - Trần Thành Nam - Nguyễn Thị Hoàng Anh - Nguyễn Ngọc Dung - Lê Thị Tuyết Mai	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thị Thân (Chủ biên) - Đào Thị Hồng - Phương Hà Lan - Phạm Việt Quỳnh - Hoàng Quý Tĩnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 2	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên) - Phạm Đông Đức (Chủ biên) - Nguyễn Duy Linh - Phạm Trảng Kha	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc 2	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Tạ Hoàng Mai Anh - Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm
7	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Nhung - Nguyễn Xuân Tiên (Đồng Tổng Chủ biên) - Nguyễn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Tuấn Cường – Hoàng Minh Phúc (Đồng Chủ biên) – Lương Thanh Khiết – Vũ Đức Long – Nguyễn Ánh Phương Nam – Lâm Yến Như – Phạm Văn Thuận – Đàm Thị Hải Uyên – Trần Thị Vân	
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Phó Đức Hòa - Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên) - Bùi Ngọc Diệp - Nguyễn Hữu Tâm - Đinh Thị Kim Thoa (Chủ biên) - Nguyễn Thị Kiên - Nguyễn Thị Bích Liên - Nguyễn Thị Hà Liên - Vũ Phương Liên - Nguyễn Hà My - Lại Thị Yến Ngọc - Đặng Thị Thanh Nhân - Nguyễn Huyền Trang - Trần Thị Quỳnh Trang - Lê Phương Trí	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 2 (Family and Friends National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên) - Trương Văn Ảnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam



- Danh mục sách giáo khoa lớp 3

STT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) – Đỗ Hồng Dương – Nguyễn Thị Kim Oanh – Trần Kim Phụng	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) – Lê Anh Vinh (Chủ biên) - Nguyễn Áng – Vũ Văn Dương – Nguyễn Minh Hải – Hoàng Quế Hương – Bùi Bá Mạnh	Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) – Trần Thành Nam – Nguyễn Thị Hoàng Anh – Nguyễn Ngọc Dung – Nguyễn Thị Việt Hà	Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Thị Thán (Chủ biên) - Phan Thanh Hà - Đào Thị Hồng - Nguyễn Hồng Liên - Nguyễn Thị Thanh Thủy	Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 3	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên) - Nguyễn Thành Long - Phạm Đức Toàn - Vũ Thị Mai Phương	Đại học Sư phạm
6	Âm nhạc 3	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) – Tạ Hoàng Mai Anh – Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Đại học Sư phạm
7	Mĩ thuật 3 (bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Tuấn Cường - Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên) - Lương Thanh Khiết - Nguyễn Ánh Phương Nam - Võ Thị Nguyên - Phạm Văn Thuận	Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 3	Phó Đức Hòa - Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên) - Bùi Ngọc Diệp - Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên) - Nguyễn Hà My - Đặng Thị Thanh Nhân - Nguyễn Huyền Trang	Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 3	Nguyễn Chí Công – Hoàng Thị Mai (Chủ biên) – Phan Anh - Nguyễn Thu Hiền – Nguyễn Bá Tuấn – Hà Đặng Cao Tùng – Đặng Bích Việt	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) – Đặng Văn Nghĩa (chủ biên) – Dương	Giáo dục Việt Nam

		Giáng Thiên Hương – Lê Xuân Quang – Nguyễn Bích Thảo – Vũ Thị Ngọc Thuý – Nguyễn Thanh Trinh	
11	Tiếng Anh 3 (Family and Friends National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên) - Trương Văn Ảnh	Giáo dục Việt Nam

- Danh mục sách giáo khoa lớp 4

STT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) – Lê Anh Vinh (Chủ biên) - Nguyễn Áng – Vũ Văn Dương – Nguyễn Minh Hải – Hoàng Quế Hương – Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt 4	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) – Lê Thị Lan Anh – Đỗ Hồng Dương – Nguyễn Lê Hằng – Trịnh Cẩm Lan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Hoạt động trải nghiệm 4	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên) - Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên) – Lê Thị Thu Huyền - Nguyễn Hà My - Đặng Thị Thanh Nhân - Nguyễn Hữu Tâm – Nguyễn Huyền Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên) - Nguyễn Thị Thanh Chi - Ngô Diệu Nga - Đào Thị Sen - Triệu Anh Trung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử - Địa lý 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt biên phần Lịch sử) - Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử) - Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử) - Đào Thị Hồng - Lê Thị Thu Hương - Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lý) - Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lý) - Đặng Tiên Dung - Bùi Thị Thanh Phương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) – Trần Thành Nam – Nguyễn Thị Hoàng Anh – Nguyễn Ngọc Dung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 4	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) – Tạ Hoàng Mai Anh – Nguyễn Thị	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

1. DẤU
 RÚC
 IẾU P
 NH T
 *

		Quỳnh Mai	
8	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên) - Lương Thanh Khiết - Nguyễn Ánh Phương Nam - Phạm Văn Thuận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất 4	Đinh Quang Ngọc (Tổng chủ biên) - Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên) - Đinh Khánh Thu - Nguyễn Thị Thu Quyết - Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
10	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên) - Hoàng Thị Mai (Chủ biên) - Phan Anh - Nguyễn Thu Hiền - Nguyễn Bá Tuấn - Hà Đặng Cao Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) - Đặng Văn Nghĩa (chủ biên) - Đồng Huy Giới - Dương Giáng Thiên Hương - Bùi Thị Thu Hương - Nguyễn Bích Thảo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
13	Tiếng Anh 4 (Family and Friends National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên) - Trương Văn Ánh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Danh mục sách giáo khoa lớp 5

STT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên) – Lê Anh Vinh (Chủ biên) - Nguyễn Áng – Vũ Văn Dương – Nguyễn Minh Hải – Hoàng Quế Hương – Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt 5	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) – Đỗ Hồng Dương – Nguyễn Lê Hằng – Trịnh Cẩm Lan – Vũ Thị Lan – Trần Kim Phụng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Hoạt động trải nghiệm 5	Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên) - Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên) – Lê Thị Thu Huyền - Nguyễn Hà My - Đặng Thị Thanh Nhân - Nguyễn Hữu Tâm – Nguyễn Huyền Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên) – Nguyễn Thị Hồng Liên – Ngô Diệu Nga – Nguyễn Thị Thanh Phúc - Đào Thị Sen	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử - Địa lý 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt biên phần Lịch sử) - Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử) - Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử) - Đào Thị Hồng - Lê Thị Thu Hương - Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lý) - Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lý) - Đặng Tiên Dung - Dương Thị Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên) – Trần Thành Nam – Nguyễn Thị Hoàng Anh – Nguyễn Ngọc Dung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 5	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) – Tạ Hoàng Mai Anh – Trương Thị Thủy Linh - Nguyễn Thị Quỳnh Mai	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
8	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên) - Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên) - Lương Thanh Khiết - Nguyễn Ánh Phương Nam - Phạm Văn Thuận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất 5	Đinh Quang Ngọc (Tổng chủ biên) - Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên) - Đinh Khánh Thu - Nguyễn Thị Thu Quyết -	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm

TIẾP
IG
OC
INH
ĐƠN

		Đinh Thị Mai Anh	
10	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên) – Hoàng Thị Mai (Chủ biên) – Phan Anh - Nguyễn Hải Châu – Hà Đăng Cao Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên) – Đặng Văn Nghĩa (chủ biên) - Dương Giáng Thiên Hương – Nguyễn Bích Thảo – Vũ Thị Ngọc Thuỷ - Nguyễn Thanh Trinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 5 (Family and Friends National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên) – Phạm Nguyễn Bảo Ngọc	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Số liệu	Năm học 2024-2025	Ghi chú
Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	Tỷ lệ 100%	20/ 20 em
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học	Tỷ lệ 100%	20/20 em
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình TH	100 %	31
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	100%	115/115 em

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm: Nhà trường chưa thực hiện do chưa đạt tiêu chuẩn.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học năm học 2024-2025 tại trường

Khối	Số lớp	Tuyển sinh	T.Số HS	Nữ	HS Khuyết tật	HS chuyển đi	HS chuyển đến	Con DT	Học 2 buổi/ngày		Học Bán trú	
									Lớp	Số HS	Lớp	Số HS
1	01	19	18	6	1	1	0		01	18	0	0
2	01		20	5	0	0	1		01	20	0	0
3	01		25	13	0	0	1		01	25	0	0
4	01		21	9	0	0	0		01	21	0	0
5	01		31	14	0	0	1		01	31	0	0
Cộng	05	19	115	47	1	01	03		05	115	0	0

a) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

(Có bảng phụ lục Thống kê kết quả đánh giá học sinh năm học 2024-2025 đính kèm)

b) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Năm học	Tổng số HS lớp 5	Tổng số HS trên 11 tuổi hoàn thành CTBTH	Tỉ lệ HS 11 tuổi HTCT bậc TH
2024 - 2025	31	0%	31 – 100%

**VI. BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH: ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐỊNH THÀNH**

Đơn vị đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số báo cáo	Số đối chiếu kết quả	Chênh lệch
A	B	C	1	2	3=2-1
I.	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1.	Doanh thu (01=02+03+04)	1	3.676.186.378	3.676.186.378	
	a. Từ NSNN cấp	2	3.676.186.378	3.676.186.378	

	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	3			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	4			
2.	Chi phí (05=06+07+08)	5	3.534.894.675	3.534.894.675	
	a. Chi phí hoạt động	6	3.534.894.675	3.534.894.675	
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	7			
	c. Chi phí hoạt động thu phí	8			
3.	Thặng dư/ Thâm hụt (09=01-05)	9	141.291.703	141.291.703	
II.	Hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ				
1.	Doanh thu	10	121.560.384	121.560.384	
2.	Chi phí	11	103.316.792	103.316.792	
3.	Thặng dư/ Thâm hụt (12=10-11)	12	18.243.592	18.243.592	
III.	Hoạt động tài chính				
1.	Doanh thu	20	22.959	22.959	
2.	Chi phí	21	20.000	20.000	
3.	Thặng dư/ Thâm hụt (22=20-21)	22	2.959	2.959	
IV.	Hoạt động khác (tiền thưởng)				
1.	Doanh thu	30	18.690.000	18.690.000	
2.	Chi phí	31	0	0	
3.	Thặng dư/ Thâm hụt (32=30-31)	32	18.690.000	18.690.000	
V.	Chi phí thuế TNDN	40	2.309.280	2.309.280	
VI.	Thặng dư/ Thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50			
1.	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51			
2.	Phân phối cho các quỹ	52	175.918.974	175.918.974	
3.	Kinh phí cải cách tiền lương	53			

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU - CHI NGUỒN NGÂN SÁCH, NGUỒN THU KHÁC

(Số liệu công khai trong năm liền kề trước thời điểm báo cáo - năm 2024)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn ngân sách nhà nước	Nguồn thu dịch vụ, phục vụ	Nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu
A	B	1=2+3+4	2	3	4
A	Các khoản phải thu	3.865.484.910	3.644.825.670	214.530.240	6.129.000
1	Ngân sách nhà nước cấp	3.644.825.670	3.644.825.670		
	- Nguồn 12	367.546.400	367.546.400		
	- Nguồn 13	3.038.580.566	3.038.580.566		
	- Nguồn 14	-1	-1		
	- Nguồn 15	238.698.705	238.698.705		
2	Nguồn khen thưởng (TK tiền gửi)	18.690.000	18.690.000		
3	Thu thỏa thuận	99.066.240		99.066.240	
	BHYT học sinh	99.066.240		99.066.240	
4	Thu dịch vụ phục vụ	115.464.000		115.464.000	
	Học buổi 2	104.376.000		104.376.000	
	Vệ sinh	11.088.000		11.088.000	
5	Thu chăm sóc sức khỏe ban đầu	6.129.000			6.129.000
B	Các khoản phải chi	3.631.766.201	3.520.011.129	105.626.072	6.129.000
1	Các khoản chi cho cá nhân	2.772.409.208	2.772.409.208		
1	Tiền lương	1.211.760.000	1.211.760.000		
2	Tiền công	314.844.000	314.844.000		
4	Phụ cấp lương	684.932.372	684.932.372		
5	Các khoản đóng góp	412.509.703	412.509.703		
6	Chi thăm hỏi	99.175.173	99.175.173		
7	Phúc lợi tập thể	16.787.960	16.787.960		
8	Chi khen thưởng	0	0		
9	Các khoản thanh toán cá nhân	32.400.000	32.400.000		
	- Chi thu nhập tăng thêm	32.400.000	32.400.000		
II	Chi hoạt động của trường	747.601.921	747.601.921		
1	Chi quản lý hành chính	218.825.078	218.825.078		
	- Thanh toán dịch vụ công cộng	25.849.188	25.849.188		
	- Vật tư văn phòng	27.229.930	27.229.930		
	- Thông tin, tuyên truyền liên lạc	4.488.000	4.488.000		
	- Công tác phí	73.466.000	73.466.000		
	- Nguồn 15	0	0		
	- Chi phí thuê mượn	87.791.960	87.791.960		
	Mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị thuê mượn các dịch vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục	287.988.818	287.988.818		
2	Sửa chữa tài sản phục vụ chuyển môn và công trình cơ sở hạ tầng	149.925.740	149.925.740		
	- Chi phí thuê ép và chuyển môn của từng ngành	53.894.594	53.894.594		
	- Mua sắm bảo trì phần mềm CNTT	18.200.600	18.200.600		
	- Chi khác	65.967.884	65.967.884		
3	Chi hỗ trợ giải quyết việc làm	240.788.025	240.788.025		
	Tính gần biên chế	240.788.025	240.788.025		
III	Chi thỏa thuận	99.066.240		99.066.240	
IV	Chi dịch vụ phục vụ	105.626.072		105.626.072	
	Học buổi 2	105.404.312		105.404.312	
	Vệ sinh	221.760		221.760	
V	Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu	6.129.000			6.129.000

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
CHO HỌC SINH DIỆN HỘ NGHÈO, HỌC SINH KHUYẾT TẬT
NĂM HỌC 2024-2025**

Đơn vị đồng

TT	Tên học sinh	HỌC KÌ 1				HỌC KÌ 2				Tổng số tiền cả năm học 2024-2025
		Diện hộ nghèo		HS khuyết tật, HS mồ côi cả cha lẫn mẹ		Diện hộ nghèo		HS khuyết tật, HS mồ côi cả cha lẫn mẹ		
		Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.	Bùi Hữu Bảo	4	600.000			5	750.000			1.350.000
2.	Nguyễn Hoàng Anh	4	600.000			5	750.000			1.350.000
3.	Phạm Tấn Thành			4	600.000			5	750.000	1.350.000
	Tổng	8	1.200.000	4	600.000	10	1.500.000	5	750.000	4.050.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Chi bộ: Năm 2025: Đã kết nạp được 01 đảng viên mới, 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 04 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chi bộ xếp loại “Hoàn thành Tốt nhiệm vụ” theo Thông báo số 198-TB/ĐU ngày 19/12/2023.

2. Công đoàn: Hoàn thành Tốt nhiệm vụ.

3. Đội TNTP HCM: Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024-2025. Đạt Liên đội mạnh cấp tỉnh.

4. Chuyên môn:

4.1. Giáo viên

Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ	%	100
Xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	%	20
Xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ	%	100
Lao động tiên tiến	%	80
Chiến sĩ thi đua cơ sở	Người	04

Giáo viên	Giáo viên dạy giỏi cấp trường	Người	02
	Sáng kiến, đề tài đề nghị cấp trên công nhận	cái	04
	Thi GVCN lớp giỏi cấp Huyện	Người	02 GV đạt

4.2. Học sinh

Kết quả tham gia các cuộc thi cấp trên

TT	Nội dung	Cấp khen	Kết quả đạt được năm học 2024-2025
Học sinh	Toán Vioedu	Tỉnh	2 giải KK
	Trang trí lồng đèn	Huyện	2 giải KK
	Kể chuyện sách hè	Huyện	01 giải KK
	Hội thi Tiếng hát Hoa Phượng đỏ	Tỉnh Huyện	01 giải KK 01 giải KK
	Hội khỏe Phù Đổng	Huyện	HC bạc Điền kinh 60m (nam)

Trên đây là Báo cáo thường niên trong năm 2025 của Trường Tiểu học Định Thành theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nay nhà trường báo cáo công khai trên website nhà trường, bản tin nhà trường và trong cuộc họp VC-NLĐ nhà trường để các cấp quản lý, VC-NLĐ cha mẹ học sinh, học sinh nhà trường và nhân dân trên địa bàn được biết./.

Nơi nhận:

- UB xã
- Đảng ủy;
- CB, GV, NV nhà trường;
- Ban đại diện CMHS trường;
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Vân